

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho
kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo nghị quyết số 1067/2024/NQ/AME-HĐQT ngày 25 tháng 07 năm 2024 của Hội đồng quản trị, Công ty thực hiện mua 99,95% cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Zelta và 99,53% cổ phần của Công ty Cổ phần Liên doanh Alpec.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc thấy rằng không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Bà Trương Thị Thu Hiền
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2024



Số: 019/2024/BCSX-HT.00202

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Alphanam E&C

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Alphanam E&C (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 08 năm 2024, từ trang 5 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Alphanam E&C cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 tại ngày 14 tháng 8 năm 2023. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần có vấn đề nhấn mạnh đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 tại ngày 30 tháng 03 năm 2024, nội dung này được trình bày chi tiết trong phần 5.6 của Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm.



TRẦN ĐÌNH DŨNG

Phó Giám đốc

Số CN ĐKHN kiểm toán: 1788-2023-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM -
CHI NHÁNH HÀ THÀNH**

Thành phố Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Địa chỉ: Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.550.226.309.273	2.439.675.877.440
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	46.312.004.239	8.657.099.514
1. Tiền	111		42.356.429.759	7.937.099.514
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.955.574.480	720.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12.660.000.000	12.560.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	12.660.000.000	12.560.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.722.269.809.837	1.747.781.942.437
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	927.341.893.554	860.281.539.673
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	205.433.748.019	348.350.805.411
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	112.718.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	483.320.723.904	545.694.152.993
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(6.544.555.640)	(6.544.555.640)
IV. Hàng tồn kho	140		767.566.212.763	668.564.048.602
1. Hàng tồn kho	141	5.8	767.566.212.763	668.564.048.602
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.418.282.434	2.112.786.887
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	946.434.914	1.459.201.373
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		471.847.520	653.585.514
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		75.098.498.518	76.366.032.101
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		15.238.477.854	15.776.251.586
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	15.144.386.567	15.628.476.313
- Nguyên giá	222		45.353.944.224	43.831.353.315
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.209.557.657)	(28.202.877.002)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	94.091.287	147.775.273
- Nguyên giá	228		1.051.687.851	1.051.687.851
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(957.596.564)	(903.912.578)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		59.860.020.664	60.589.780.515
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	59.860.020.664	60.589.780.515
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.625.324.807.791	2.516.041.909.541

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Địa chỉ: Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.830.530.678.684	1.729.144.510.179
I. Nợ ngắn hạn	310		1.830.530.678.684	1.729.144.510.179
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	522.201.655.173	541.222.698.555
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	26.209.243.779	65.206.077.705
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	10.062.236.353	6.918.175.461
4. Phải trả người lao động	314		6.864.421.701	8.337.160.012
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	10.443.424.125	13.672.127.430
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18	2.528.834.840	3.612.621.200
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	3.325.461.272	82.553.257.823
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	1.248.895.401.441	1.007.622.391.993
10. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		794.794.129.107	786.897.399.362
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	794.794.129.107	786.897.399.362
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		652.000.000.000	652.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		652.000.000.000	652.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(194.400.000)	(194.400.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		840.866.910	840.866.910
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		142.147.662.197	134.250.932.452
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		134.250.932.452	113.053.377.461
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.896.729.745	21.197.554.991
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.625.324.807.791	2.516.041.909.541

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC

BÙI THỊ THÚY HÀ

NGUYỄN THỊ NHẬT HOAN

TRƯƠNG THỊ THU HIỀN



CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Địa chỉ: Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.555.168.990.416	836.029.674.562
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp DV	10		1.555.168.990.416	836.029.674.562
(10=01-02)				
4 Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.483.709.524.484	782.453.017.537
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		71.459.465.932	53.576.657.025
(20=10-11)				
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.478.281.584	794.701.031
7 Chi phí tài chính	22	6.4	50.750.636.644	30.354.810.851
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		46.816.596.092	30.338.491.070
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.7	14.139.770.275	14.104.008.036
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.047.340.597	9.912.539.169
11 Thu nhập khác	31	6.5	51.041.072	100.144.647
12 Chi phí khác	32	6.6	12.758.593	137.439.992
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		38.282.479	(37.295.345)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.085.623.076	9.875.243.824
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	2.188.893.331	2.249.032.028
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		7.896.729.745	7.626.211.796
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	126	117
19 Lỗ suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	126	117

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





BÙI THỊ THÚY HÀ

NGUYỄN THỊ NHẬT HOAN

TRƯƠNG THỊ THU HIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Địa chỉ: Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.085.623.076	9.875.243.824
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.060.364.641	2.032.924.407
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.934.040.552	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.478.281.584)	(133.160.528)
- Chi phí lãi vay	06		46.816.596.092	30.338.491.070
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		59.418.342.777	42.113.498.773
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		141.554.799.579	(81.508.579.650)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(99.002.164.161)	196.962.561.497
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(145.547.864.511)	(148.483.649.681)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		1.242.526.310	2.116.443.228
- (Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(47.078.506.407)	(30.660.943.639)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(200.000.000)	(1.000.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(89.612.866.413)	(20.460.669.472)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21		(1.522.590.909)	(2.964.229.630)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(140.988.000.000)	(20.400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		28.170.000.000	19.128.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		335.352.599	155.442.690
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(114.005.238.310)	(4.080.786.940)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	1.305.574.040.724	343.024.144.332
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(1.064.301.831.276)	(335.077.937.699)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		241.273.009.448	8.746.206.633
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		37.654.904.725	(15.795.249.779)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.657.099.514	34.969.766.460
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	46.312.004.239	19.174.516.681

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



BÙI THỊ THÚY HÀ

NGUYỄN THỊ NHẬT HOAN

TRƯƠNG THỊ THU HIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc ngày 30/06/2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Alphanam E&C (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Alphanam, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 051581 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 8 năm 1995.

Công ty chính thức chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần và đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103014620 ngày 17 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Alphanam E&C theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 04 ngày 10 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số 0100520683 và được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 07 tháng 06 năm 2022. Theo giấy chứng nhận, vốn điều lệ của Công ty là 652.000.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi hai tỷ đồng).

Công ty đã niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là AME.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình điện. Chi tiết: Hoạt động xây dựng, cung cấp vật tư, thiết bị các công trình điện dân dụng, công nghiệp đến cấp điện áp 500KV; Xây dựng và lắp đặt các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong các khu công nghiệp, đô thị;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tổng hợp; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: - Đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; - Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Sản xuất máy móc chuyên dụng; Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; Sản xuất mực in và ma lít;
- Cho thuê xe có động cơ; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa, Hoạt động tư vấn quản lý; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Quảng cáo; Chuẩn bị mặt bằng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc ngày 30/06/2024

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

1.6 Số lượng nhân viên

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, tổng số nhân viên của Công ty là 190 người (Tại ngày 31/12/2023 là 170 người).

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc ngày 30/6/2024 có thể so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

2. KỲ TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc ngày 30/6/2024.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc ngày 30/06/2024

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Các ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.5 Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc ngày 30/06/2024

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung liên quan đến hoạt động thi công xây lắp.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.8 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc ngày 30/06/2024

đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	05 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

4.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 năm đến 06 năm.

4.11 Các khoản nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc ngày 30/06/2024

- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

4.12 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

4.13 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

4.14 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc ngày 30/06/2024

4.15 Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.16 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.17 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc ngày 30/06/2024

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở:

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

4.18 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc ngày 30/06/2024

4.19 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.20 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

4.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

4.22 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.23 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/06/2024</u> VND	<u>01/01/2024</u> VND
Tiền mặt tồn quỹ	2.204.361.558	25.038.343
Tiền gửi ngân hàng	40.152.068.201	7.912.061.171
Các khoản tương đương tiền	3.955.574.480	720.000.000
Tổng	<u>46.312.004.239</u>	<u>8.657.099.514</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc ngày 30/06/2024

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	12.660.000.000	12.660.000.000	12.560.000.000	12.560.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm	1.960.000.000	1.960.000.000	1.860.000.000	1.860.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngọc Khánh	10.700.000.000	10.700.000.000	10.700.000.000	10.700.000.000
Tổng	12.660.000.000	12.660.000.000	12.560.000.000	12.560.000.000

5.3 Phải thu của khách hàng

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty CP Đầu tư Delta Việt Nam Số 1	615.911.967.039	571.276.437.288
Công ty CP Địa ốc Momota	58.010.179.410	110.281.982.581
Công ty CP Delta Việt Nam	82.254.806.938	28.484.977.862
Công ty TNHH MTV Sapa	41.560.540.138	-
Công ty TNHH MTV XD và TM Gamma	38.842.590.623	-
Ban QLDA các Công trình điện miền Nam - Chi nhánh TCT truyền tải điện quốc gia	7.082.401.129	12.312.526.275
Ban QLDA các Công trình điện miền Trung - Tổng công ty truyền tải điện quốc gia	181.132.350	39.849.956.299
Các tổ chức, cá nhân khác	83.498.275.927	98.075.659.368
Tổng	927.341.893.554	860.281.539.673
b) Phải thu khách hàng là bên liên quan: không phát sinh		

5.4 Trả trước cho người bán

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty CP Hùng Tiến Kim Sơn	7.785.088.601	114.561.774.881
Công ty CP Virex	12.639.940	75.413.125.988
Công ty CP Foodinco Miền Trung	36.184.428.547	31.184.428.547
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hà Tây	70.515.000.000	70.515.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Thái An	10.361.293.663	-
Các tổ chức, cá nhân khác	80.575.297.268	56.676.475.995
Tổng	205.433.748.019	348.350.805.411
b) Trả trước cho người bán là bên liên quan: không phát sinh		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc ngày 30/06/2024

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty CP Delta Việt Nam (*)	24.255.000.000	-
Công ty CP Dịch vụ và Thương mại Đông Á (*)	66.215.000.000	-
Công ty CP Địa ốc Momota (*)	11.158.000.000	-
Công ty TNHH MTV XD và TM Gamma (*)	11.090.000.000	-
Tổng	112.718.000.000	-

(*) Các khoản cho vay theo hợp đồng cho vay tiền với thời hạn cho vay là 1 năm, lãi suất 10%/năm và không có tài sản đảm bảo.

(b) Phải thu về cho vay ngắn hạn là bên liên quan: Không phát sinh

5.6 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	314.193.141	-	1.309.511.096	-
Ký quỹ, ký cược	8.840.945.000	-	10.096.634.684	-
- Tiền gửi thế chấp (1)	6.942.000.000	-	7.031.984.684	-
- Các khoản khác	1.898.945.000	-	3.064.650.000	-
Phải thu khác	474.165.585.763	-	534.288.007.213	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hà Tây (2)	382.400.000.000	-	382.400.000.000	-
- Công ty CP Foodinco Quy Nhơn (2)	58.612.742.247	-	107.341.742.247	-
- Công ty CP Dịch vụ và Thương mại Đông Á (2)	12.145.000.000	-	13.640.000.000	-
- Công ty CP Foodinco Miền Trung (2)	17.850.000.000	-	30.695.000.000	-
- Các đối tượng khác	3.157.843.516	-	211.264.966	-
Tổng	483.320.723.904	-	545.694.152.993	-

(1) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh thành phố Hà Nội, lãi suất 1,1%/năm được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh thành phố Hà Nội.

(2) Là các khoản phải thu liên quan đến các khoản trả trước người bán để thực hiện các hợp đồng xây dựng nhưng không thực hiện và đã thanh lý hợp đồng được nêu trong phần nhấn mạnh tại báo cáo kiểm toán năm 2023.

Tính đến ngày 13/08/2024, tình trạng thu hồi các khoản như sau:

Tên khách hàng	Số dư tại 31/12/2023	Giá trị đã thu hồi	Số dư (VND)
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hà Tây	382.400.000.000	242.477.750.888	139.922.249.112
Công ty CP Foodinco Quy Nhơn	107.341.742.247	51.219.000.000	56.122.742.247
Công ty CP Dịch vụ và Thương mại Đông Á	13.640.000.000	1.495.000.000	12.145.000.000
Công ty CP Foodinco Miền Trung	30.695.000.000	12.845.000.000	17.850.000.000
Tổng	534.076.742.247	308.036.750.888	226.039.991.359

Phải thu khác là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc ngày 30/06/2024

5.7 Nợ xấu

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu của khách hàng				
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Hạ tầng cấp nước Sông Đà - VINACONEX	1.385.095.467	-	1.385.095.467	-
Công ty TNHH Xây dựng Cao Bang - Đài Loan	1.037.788.000	-	1.037.788.000	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Địa Long	680.000.000	-	680.000.000	-
Công ty CP Contrexim Hồng Hà	651.420.000	-	651.420.000	-
Các đối tượng khác	2.790.252.173	-	2.790.252.173	-
Tổng	6.544.555.640	-	6.544.555.640	-

5.8 Hàng tồn kho

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	6.528.000	-	22.156.000	-
Chi phí SXKD dở dang	767.559.684.763	-	653.347.318.198	-
Hàng hóa	-	-	15.194.574.404	-
Tổng	767.566.212.763	-	668.564.048.602	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc ngày 30/6/2024

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Vào ngày 01/01/2024	1.078.509.040	9.074.282.950	29.762.275.926	3.916.285.399	43.831.353.315
Mua trong năm	-	228.500.000	1.294.090.909	-	1.522.590.909
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Vào ngày 30/06/2024	1.078.509.040	9.302.782.950	31.056.366.835	3.916.285.399	45.353.944.224
Giá trị hao mòn lũy kế					
Vào ngày 01/01/2024	1.078.509.040	5.600.524.159	18.185.456.154	3.338.387.649	28.202.877.002
Khấu hao trong năm	-	439.589.659	1.474.227.870	92.863.126	2.006.680.655
Thanh lý	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Vào ngày 30/06/2024	1.078.509.040	6.040.113.818	19.659.684.024	3.431.250.775	30.209.557.657
Giá trị còn lại					
Vào ngày 01/01/2024	-	3.473.758.791	11.576.819.772	577.897.750	15.628.476.313
Vào ngày 30/06/2024	-	3.262.669.132	11.396.682.811	485.034.624	15.144.386.567

- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, giá trị còn lại của các tài sản cố định được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng là 7.704.547.523 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 16.326.283.554 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc ngày 30/6/2024

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/01/2024	1.051.687.851
Mua trong năm	-
Vào ngày 30/06/2024	1.051.687.851
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 01/01/2024	903.912.578
Khấu hao trong năm	53.683.986
Vào ngày 30/06/2024	957.596.564
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/01/2024	147.775.273
Vào ngày 30/06/2024	94.091.287

5.11 Chi phí trả trước

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn		
Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ xuất dùng	232.547.511	439.872.976
Chi phí bảo hiểm	91.088.531	187.857.366
Chi phí phần mềm	55.367.959	241.177.323
Chi phí thuê nhà cho công nhân, BQL dự án	162.372.643	118.063.226
Chi phí sửa chữa	301.965.447	376.488.377
Chi phí tuyển dụng	31.439.664	78.599.166
Chi phí trả trước khác	71.653.159	17.142.939
Tổng	946.434.914	1.459.201.373
b) Dài hạn		
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ xuất dùng	1.561.721.255	1.700.612.135
Chi phí thuê sàn tầng 2&3 tòa nhà Sakura Tower	37.742.424.370	38.224.242.550
Chi phí thuê sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower	18.515.151.566	18.751.515.200
Thuê văn phòng 96 Định Công	1.725.664.833	1.794.114.033
Chi phí sửa chữa	205.821.968	27.446.995
Chi phí phần mềm	98.077.099	84.613.658
Chi phí trả trước khác	11.159.573	7.235.944
Tổng	59.860.020.664	60.589.780.515

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc ngày 30/6/2024

5.12 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	01/01/2024		Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ			Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ ngắn hạn (I)	1.007.622.391.993	1.007.622.391.993	1.305.574.840.724	1.064.301.831.276	1.248.895.401.441	1.248.895.401.441
<u>Vay ngắn hạn</u>						
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình (i)	247.324.941.248	247.324.941.248	268.265.651.720	247.324.941.248	268.265.651.720	268.265.651.720
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hà Nội (ii)	94.944.901.596	94.944.901.596	113.216.420.921	108.439.913.138	99.721.409.379	99.721.409.379
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngọc Khánh (iii)	63.939.916.850	63.939.916.850	177.084.110.872	106.613.853.096	134.410.174.626	134.410.174.626
Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh Hà Nội (iv)	23.140.000.000	23.140.000.000	23.357.018.603	23.140.000.000	23.357.018.603	23.357.018.603
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thăng Long (v)	506.999.481.419	506.999.481.419	659.765.738.608	512.945.923.794	653.819.296.233	653.819.296.233
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Sở giao dịch (vi)	7.771.400.000	7.771.400.000	4.300.000.000	7.771.400.000	4.300.000.000	4.300.000.000
Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Cầu Giấy (vii)	48.501.750.880	48.501.750.880	-	6.000.000.000	42.501.750.880	42.501.750.880
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Trì (viii)	15.000.000.000	15.000.000.000	59.585.900.000	52.065.800.000	22.520.100.000	22.520.100.000
b) Vay và nợ dài hạn (II)	-	-	-	-	-	-
Tổng (I+II)	1.007.622.391.993	1.007.622.391.993	1.305.574.840.724	1.064.301.831.276	1.248.895.401.441	1.248.895.401.441

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Thanh Xuân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc ngày 30/6/2024

- (i) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 24/2023/HDHM-PN/SHB.111100 ký vào ngày 15/03/2023 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình. Giá trị hạn mức tín dụng là 500 tỷ đồng, trong đó: Hạn mức cho vay và phát hành bảo lãnh thanh toán là 300 tỷ đồng, hạn mức cấp bảo lãnh (không bao gồm bảo lãnh thanh toán) là 200 tỷ đồng. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Thời hạn cấp tín dụng đến hết ngày 15/05/2024. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động thanh toán các chi phí đầu vào phục vụ hoạt động thi công xây lắp cơ điện, hoạt động điện lực và kinh doanh thương mại của khách hàng. Tài sản đảm bảo là tài sản của thuộc sở hữu của bên thứ ba.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 181847.23.057.252308.TD ký vào ngày 22/12/2023 của Ngân hàng TMCP Quân Đội - chi nhánh Hoàn Kiếm. Giá trị hạn mức tín dụng là 400 tỷ đồng, trong đó: Hạn mức vay là 100 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh thanh toán là 45 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán là 300 tỷ đồng, hạn mức phát hành LC là 15 tỷ đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Hạn mức tín dụng sẽ có giá trị đến ngày 23/11/2024. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở LC phục vụ hoạt động cung cấp vật tư thiết bị và thi công xây lắp điện của khách hàng. Tài sản đảm bảo bao gồm toàn bộ tài sản theo các hợp đồng cầm cố.
- (iii) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2023/408/HĐTĐ ký vào ngày 05/05/2023 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngọc Khánh. Giá trị hạn mức tín dụng là 118 tỷ đồng, trong đó: Hạn mức cho vay, mở L/C, bảo lãnh thanh toán là 98 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh ngoài thanh toán là 20 tỷ đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba.
- (iv) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 30230066 ký vào ngày 12/10/2023 của Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh Thành phố Hà Nội. Giá trị hạn mức tín dụng là 35.046.000.000 đồng, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng. Mục đích vay để mua nội địa nguyên vật liệu hàng hóa nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo bao gồm toàn bộ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn ký quỹ tại Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh Thành phố Hà Nội và tài sản thế chấp của bên thứ ba.
- (v) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 202226565375 ký vào ngày 22/06/2022 và các thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thăng Long. Giá trị hạn mức tín dụng là 657 tỷ đồng, lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay được gia hạn đến ngày 25 tháng 07 năm 2024. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là tài sản của bên thứ ba.
- (vi) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 0074-2024-HDDTD1-BVB005 ký vào ngày 29/03/2024 của Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Sở Giao dịch. Giá trị hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng, lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn cho vay từ ngày 11/04/2024 đến ngày 29/03/2025. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo bao gồm: Xe ô tô nhãn hiệu Mercedes GLS450 biển kiểm soát 30K-256.86; Xe ô tô nhãn hiệu Carnival biển kiểm soát 30K-258.01; 02 máy đào bánh xích nhãn hiệu Kobelco biển số đăng ký 29XA-3062 và 29XA-3063.
- (vii) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 0000414827/2023/HĐTĐ-BacABank.180 ký vào ngày 27/10/2023 của Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Cầu Giấy. Giá trị hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng, lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (ngoại trừ kinh doanh bất động sản).
- (viii) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 186/2023/HDTD/TTI ký ngày 13/12/2023 của Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Trì. Giá trị hạn mức tín dụng là 110 tỷ đồng, thời hạn sử dụng hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Thanh Xuân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc ngày 30/6/2024

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty CP Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ Delta-V	127.665.814.375	127.665.814.375	127.665.814.375	127.665.814.375
Công ty CP Kỹ thuật SIGMA	60.319.344.543	60.319.344.543	60.320.744.543	60.320.744.543
Công ty CP Thương mại AMECC	-	-	10.615.428.228	10.615.428.228
Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Delta	52.979.872.648	52.979.872.648	52.979.872.648	52.979.872.648
Shenzhen Gold Phoenix Overall Assembly Furniture Co., Ltd	68.962.548.338	68.962.548.338	68.141.516.753	68.141.516.753
Công ty TNHH Trường Thắng	32.525.175.907	32.525.175.907	33.575.175.907	33.575.175.907
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Vương Thái Sơn	-	-	7.182.789.058	7.182.789.058
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quân Đạt	26.434.798.557	26.434.798.557	26.434.798.557	26.434.798.557
Các đối tượng khác	153.314.100.805	153.314.100.805	154.306.558.486	154.306.558.486
Tổng	522.201.655.173	522.201.655.173	541.222.698.555	541.222.698.555

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Không phát sinh

5.14 Người mua trả tiền trước

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước		
Công ty CP Zeta EC	-	53.707.498.345
Công ty CP Dịch vụ và Thương mại Đông Á	2.190.297.239	1.208.097.239
Công ty CP Syrena Hùng Thắng	23.532.839.082	-
Các đối tượng khác	486.107.458	10.290.482.121
Tổng	26.209.243.779	65.206.077.705

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Không phát sinh

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2024	Số phải nộp	Số đã nộp	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	847.670.742	847.670.742	-
Thuế TNDN	5.913.367.135	2.188.893.331	200.000.000	7.902.260.466
Thuế TNCN	1.004.808.326	1.813.226.500	658.058.939	2.159.975.887
Thuế, phí khác	-	4.500.000	4.500.000	-
Tổng	6.918.175.461	4.854.290.573	1.710.229.681	10.062.236.353

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Thanh Xuân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc ngày 30/6/2024

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>30/06/2024</u> VND	<u>01/01/2024</u> VND
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	1.414.817.108	1.676.727.423
Trích trước chi phí thi công công trình	9.028.607.017	11.995.400.007
Tổng	<u>10.443.424.125</u>	<u>13.672.127.430</u>

5.17 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>30/06/2024</u> VND	<u>01/01/2024</u> VND
Kinh phí công đoàn	141.182.460	190.977.530
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	1.351.175	20.136.820
Nhận ký quỹ ngắn hạn	2.486.688.414	2.486.688.414
Các khoản phải trả, phải nộp khác	696.239.223	79.855.455.059
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngọc Khánh (*)	-	78.837.601.292
- Các đối tượng khác	696.239.223	1.017.853.767
Tổng	<u>3.325.461.272</u>	<u>82.553.257.823</u>

(*) Khoản phải trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngọc Khánh liên quan đến khoản cấp LC bảo lãnh thanh toán cho nhà cung cấp về mua hàng hóa.

5.18 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>30/06/2024</u> VND	<u>01/01/2024</u> VND
Doanh thu nhận trước về cho thuê văn phòng	2.528.834.840	3.612.621.200
Tổng	<u>2.528.834.840</u>	<u>3.612.621.200</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

5.19 Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2023	652.000.000.000	(194.400.000)	-	113.053.377.461	764.858.977.461
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	21.197.554.991	21.197.554.991
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-
Số dư 01/01/2024	652.000.000.000	(194.400.000)	-	134.250.932.452	786.056.532.452
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	7.896.729.745	7.896.729.745
Tăng khác	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-
Chia lợi nhuận	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư 30/06/2024	652.000.000.000	(194.400.000)	-	142.147.662.197	793.953.262.197

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty là 652.000.000.000 đồng, chia thành 65.200.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Chi tiết vốn góp của các cổ đông tại ngày 30/06/2024 như sau:

Cổ đông

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %
Công ty CP Đầu tư Alphanam	541.202.100.000	83,01%	541.202.100.000	83,01%
Công ty CP Alphanam	39.601.700.000	6,07%	39.601.700.000	6,07%
Ông Nguyễn Minh Nhật	28.168.150.000	4,32%	28.168.150.000	4,32%
Các cổ đông khác	43.028.050.000	6,60%	43.028.050.000	6,60%
Tổng	652.000.000.000	100%	652.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	652.000.000.000	652.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	652.000.000.000	652.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	65.200.000	65.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	65.200.000	65.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	65.200.000	65.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65.200.000	65.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	65.200.000	65.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: 0 đồng
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: 0
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: 0

Các quỹ của doanh nghiệp

	01/01/2024 VND	Tăng VND	Giảm VND	30/06/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	840.866.910	-	-	840.866.910
Tổng	840.866.910	-	-	840.866.910

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	1.139.197.998.043	525.535.791.722
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.349.523.740	7.666.162.040
Doanh thu hoạt động xây lắp	411.385.030.599	294.248.849.206
Doanh thu kinh doanh bất động sản	3.236.438.034	8.578.871.594

Tổng	1.555.168.990.416	836.029.674.562
-------------	--------------------------	------------------------

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Giá vốn bán hàng hóa	1.136.362.567.623	509.381.131.945
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	839.084.108	3.793.463.752
Giá vốn của hoạt động xây lắp	345.298.940.445	264.592.370.301
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	1.208.932.308	4.686.051.539

Tổng	1.483.709.524.484	782.453.017.537
-------------	--------------------------	------------------------

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.478.281.584	133.160.528
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	661.540.503

Tổng	3.478.281.584	794.701.031
-------------	----------------------	--------------------

6.4 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lãi tiền vay	46.816.596.092	30.338.491.070
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	16.319.781
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	3.934.040.552	-

Tổng	50.750.636.644	30.354.810.851
-------------	-----------------------	-----------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

6.5 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Tiền thưởng được nhận	-	100.000.000
Thu nhập khác	51.041.072	144.647
Tổng	51.041.072	100.144.647

6.6 Chi phí khác

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Hạch toán điều chỉnh công nợ do khấu trừ vật tư	-	31.983.729
Các khoản bị phạt	-	105.449.917
Các khoản chi phí khác	12.758.593	6.346
Tổng	12.758.593	137.439.992

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí nhân viên	5.788.785.638	5.092.935.459
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.343.634.095	1.316.420.546
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.176.841.643	5.437.061.521
Các khoản chi phí QLDN khác.	2.830.508.899	2.257.590.510
Tổng	14.139.770.275	14.104.008.036

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu	281.489.058.915	45.120.197.043
Chi phí nhân công	31.163.311.478	18.743.045.174
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.060.364.641	2.032.924.407
Chi phí dịch vụ mua ngoài	280.320.988.026	202.473.061.075
Chi phí khác	2.877.191.303	2.446.321.384
Tổng	597.910.914.363	270.815.549.083

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

6.9 Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	2.188.893.331	2.249.032.028
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.188.893.331	2.249.032.028

6.10 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	7.896.729.745	7.626.211.796
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	7.896.729.745	7.626.211.796
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	65.200.000	65.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	126	117
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	126	117

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**7.1 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.305.574.840.724	343.824.144.332

7.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Tiền trả nợ vay theo kế ước thông thường	1.064.301.831.276	335.077.937.699

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Thu nhập HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

		Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Nguyễn Minh Nhật	Ủy viên HĐQT	-	-
Ông Nguyễn Anh Quân	Ủy viên HĐQT	-	-
Bà Trương Thị Thu Hiền	Tổng Giám đốc	690.400.000	720.000.000
Ông Lâm Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	300.400.000	240.000.000
Ông Nguyễn Đắc Tài	Phó Tổng Giám đốc	1.200.400.000	1.200.000.000
Bà Bùi Kim Yến	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
Ông Đàm Văn Hán	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
Bà Nguyễn Hải Yến	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm từ ngày 26/06/2024)	360.400.000	176.250.000
Bà Nguyễn Thị Nhật Hoan	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 26/06/2024)	140.000.000	-
Tổng		2.691.600.000	960.000.000

8.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Các bên sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Công ty CP Đầu tư Alphanam	Công ty mẹ
Công ty CP Alphanam	Cổ đông lớn
Công ty CP Foodinco Quy Nhơn	Công ty cùng Công ty mẹ
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Giao dịch	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Công ty CP Foodinco Quy Nhơn	Hoàn trả tiền ứng trước	48.729.000.000	-

Chính sách mua, bán hàng hóa, nguyên vật liệu được áp dụng tương tự với các đơn vị khác, không có sự khác biệt về giá mua, bán.

Số dư phải thu, phải trả với các bên có liên quan như sau:

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn - Phải thu ngắn hạn khác	58.612.742.247	107.341.742.247

8.3 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Bộ phân theo lĩnh vực kinh doanhKết quả kinh doanh phân chia theo bộ phân cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2024

	Hoạt động thi công xây lắp VND	Thương mại VND	Hoạt động không phân bổ VND	Tổng VND
Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	411.385.030.599	1.139.197.998.043	4.585.961.774	1.555.168.990.416
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	
Giá vốn hàng bán	345.298.940.445	1.136.362.567.623	2.048.016.416	1.483.709.524.484
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	66.086.090.154	2.835.430.420	2.537.945.358	71.459.465.932
Doanh thu hoạt động tài chính			3.478.281.584	3.478.281.584
Chi phí hoạt động tài chính			50.750.636.644	50.750.636.644
Chi phí quản lý doanh nghiệp			14.139.770.275	14.139.770.275
Thu nhập khác			51.041.072	51.041.072
Chi phí khác			12.758.593	12.758.593
Chi phí thuế TNDN hiện hành			2.188.893.331	2.188.893.331
Lợi nhuận sau thuế TNDN				7.896.729.745
<u>Tài sản và nợ phải trả phân chia theo bộ phân tại ngày 30/06/2024:</u>				
Tài sản bộ phận	1.517.706.318.321	788.842.953.003		2.365.767.049.484
Tài sản không phân bổ			259.557.758.307	259.557.758.307
Tổng tài sản	1.517.706.318.321	848.060.731.163	259.557.758.307	2.625.324.807.791
Nợ phải trả bộ phận	546.118.239.210	5.572.803		546.123.812.013
Nợ phải trả không phân bổ			1.284.406.866.671	1.284.406.866.671
Tổng nợ phải trả	546.118.239.210	5.572.803	1.284.406.866.671	1.830.530.678.684

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Kết quả kinh doanh phân chia theo bộ phận cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2023

	Hoạt động thi công xây lắp VND	Thương mại VND	Hoạt động không phân bổ VND	Cộng VND
Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	294.248.849.206	525.535.791.722	16.245.033.634	836.029.674.562
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	264.592.370.301	509.381.131.945	8.479.515.291	782.453.017.537
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.656.478.905	16.154.659.777	7.765.518.343	53.576.657.025
Doanh thu hoạt động tài chính			794.701.031	794.701.031
Chi phí hoạt động tài chính			30.354.810.851	30.354.810.851
Chi phí quản lý doanh nghiệp			14.104.008.036	14.104.008.036
Thu nhập khác			100.144.647	100.144.647
Chi phí khác			137.439.992	137.439.992
Chi phí thuế TNDN hiện hành			2.249.032.028	2.249.032.028
Lợi nhuận sau thuế TNDN				7.626.211.796

Tài sản và nợ phải trả phân chia theo bộ phận tại ngày 30/6/2023:

Tài sản bộ phận	1.153.084.353.298	806.057.767.324		1.959.142.120.622
Tài sản không phân bổ			55.198.735.660	55.198.735.660
Tổng tài sản	1.153.084.353.298	806.057.767.324	55.198.735.660	2.014.340.856.282
Nợ phải trả bộ phận	620.143.266.879	584.093.921.545		1.204.237.188.424
Nợ phải trả không phân bổ			36.777.611.691	36.777.611.691
Tổng nợ phải trả	620.143.266.879	584.093.921.545	36.777.611.691	1.241.014.800.115

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

9. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ TÀI CHÍNH

Theo nghị quyết số 1067/2024/NQ/AME-HĐQT ngày 25 tháng 07 năm 2024 của Hội đồng quản trị, Công ty thực hiện mua 99,95% cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Zelta và 99,53% cổ phần của Công ty Cổ phần Liên doanh Alpec.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc thấy rằng không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

10. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu được dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt - Chi nhánh Phía Bắc.

Số liệu được dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2023 và kết thúc ngày 30/6/2023 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt - Chi nhánh Phía Bắc.

Bùi Thị Thúy Hà
Người lập biểu

Nguyễn Thị Nhật Hoan
Kế toán trưởng



Trương Thị Thu Hiền
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2024

